

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **122/2018/DSST**
Ngày: 24/9/2018

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đinh Văn Tùng.**

2. Ông **Mai Tấn Lộc.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung.**

Trong ngày **24** tháng **9** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2018/TLST-DS ngày 28/8/2018 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2018/QĐXXST-DS ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1945 (có mặt);

Địa chỉ: số 136 tổ 3, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

* *Bị đơn:* Bà **Lê Bích P**, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 16/8/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào ngày 13/7/2017 (âm lịch), ông có cho bà Lê Bích P vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Khi vay bà P có viết cho ông 01 biên nhận. Từ khi vay đến nay, bà P có trả cho ông được 03 tháng tiền lãi với số tiền 4.500.000 đồng rồi ngưng không trả lãi nữa. Tính đến thời điểm hiện nay, bà P còn nợ ông 10 tháng tiền lãi là 15.000.000 đồng.

Sau đó, vào tháng 11/2017 (âm lịch) bà P có vay tiếp của ông số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/ngày (tức 15%/tháng), thời hạn vay 10 ngày. Từ khi vay, bà P trả tiền lãi đến tháng 7/2018 (âm lịch). Tính đến thời điểm hiện nay thì khoản vay này bà P còn nợ 02 tháng tiền lãi là 600.000 đồng.

Tổng cộng bà P vay của ông 32.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi của hai khoản vay là 15.600.000 đồng. Ông đồng ý giảm cho bà P ½ tiền lãi là 7.800.000 đồng, còn lại 7.800.000 đồng.

Nay ông yêu cầu bà Lê Bích P trả cho ông số tiền vốn là 32.000.000 đồng và 7.800.000 đồng tiền lãi. Ông yêu cầu trả một lần hoặc 02 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Lê Bích P trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn T về số tiền vốn vay là 32.000.000 đồng, thống nhất về mức lãi suất giữa 2 bên thỏa thuận của 02 khoản vay, thống nhất thời gian đã trả tiền lãi và thời gian chưa trả tiền lãi. Bà đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 32.000.000 đồng tiền vốn và số tiền lãi là 7.800.000 đồng, bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết tiền vốn, lãi.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu bà P trả cho ông số tiền vốn và tiền lãi với mức lãi suất bằng $\frac{1}{2}$ mức lãi suất đã thỏa thuận, cụ thể:

- Khoản vay 30.000.000 đồng, thời gian trả lãi là 10 tháng, mức lãi suất là 2,5%/tháng, tiền lãi là 7.500.000 đồng.

- Khoản vay 2.000.000 đồng, thời gian trả lãi là 02 tháng, mức lãi suất là 7,5%/tháng, tiền lãi là 300.000 đồng.

Bị đơn Lê Bích P đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn 32.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất ông T yêu cầu nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Văn T và bị đơn Lê Bích P thống nhất số tiền vốn vay 02 lần là 32.000.000 đồng, thống nhất thời hạn vay, mức lãi suất thỏa thuận, thời gian vay, số tiền lãi đã trả và thời gian, số tiền lãi chưa thanh toán của 02 khoản vay.

[2] Nguyên đơn Nguyễn Văn T yêu cầu bị đơn Lê Bích P trả số tiền vốn vay là 32.000.000 đồng, bị đơn Lê Bích P thừa nhận và đồng ý trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn T số tiền vốn 32.000.000 đồng, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với số tiền lãi: nguyên đơn Nguyễn Văn T và bị đơn Lê Bích P thống nhất mức lãi suất thỏa thuận khi vay là 5%/tháng đối với số tiền 30.000.000 đồng và 15%/tháng đối với số tiền 2.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2018 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T yêu cầu tính lãi với mức lãi suất bằng $\frac{1}{2}$ mức lãi suất thỏa thuận. Cụ thể, ông Nguyễn Văn T yêu cầu:

- Khoản vay 30.000.000 đồng, mức lãi suất là 2,5%/tháng, thời gian tính lãi là 10 tháng.

- Khoản vay 2.000.000 đồng, mức lãi suất là 7,5%/tháng, thời gian tính lãi là 02 tháng.

[3.1] Tổng số tiền lãi ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Lê Bích P phải trả cho 02 khoản vay là 7.800.000 đồng.

[3.2] Bị đơn Lê Bích P đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền lãi 7.800.000 đồng mà ông Nguyễn Văn T yêu cầu.

[3.3] Xét, mặc dù bị đơn Lê Bích P đồng ý trả cho ông T số tiền lãi 7.800.000 đồng cho 02 khoản vay, nhưng mức lãi suất thỏa thuận giữa hai bên vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận thỏa thuận này.

Cụ thể, tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*”

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”

[3.4] Như vậy, mức lãi suất mà các bên đương sự thỏa thuận không được vượt quá 1,66%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử lấy mức lãi suất 1,66%/tháng làm căn cứ tính lãi. Cụ thể, tiền lãi của 02 khoản vay được tính như sau:

- Khoản vay 30.000.000 đồng x 10 tháng x 1,66%/tháng = 4.980.000 đồng.

- Khoản vay 2.000.000 đồng x 02 tháng x 1,66%/tháng = 66.400 đồng;

Tổng cộng tiền lãi là 5.046.400 đồng

[4] Về phương thức thanh toán: ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Lê Bích P trả một lần số tiền vốn vay và tiền lãi, bị đơn Lê Bích P xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét, việc xin trả dần của bị đơn Lê Bích P không được nguyên đơn Nguyễn Văn T đồng ý, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Như vậy, bị đơn Lê Bích P phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn T số tiền vốn là 32.000.000 đồng và tiền lãi là 5.046.400 đồng.

[6] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn T về yêu cầu tính mức lãi suất 2,5%/tháng và 7,5%/tháng.

[7] Đối với số tiền lãi bà Lê Bích P đã trả cho ông Nguyễn Văn T: Trong quá giải quyết vụ án, bà Lê Bích P không có yêu cầu khởi kiện phản tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu mức lãi suất không được chấp nhận. Bị đơn Lê Bích P phải nộp 1.852.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T về mức lãi suất.

- Buộc bà Lê Bích P phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng chẵn) và tiền lãi là 5.046.400 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm đồng chẵn). Tổng cộng là 37.046.400 đồng (Ba mươi bảy triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm đồng chẵn)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Bích P chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Bà Lê Bích P phải nộp 1.852.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông đã nộp 965.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15935 ngày 28/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên được hoàn lại 665.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Hồng Tâm